TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DSST
Ngày 16 - 10 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Ngọc và bà Y Blư.

Thư ký phiên Toà: Ông Phạm Hữu Công – Thư ký Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng D - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2019/TLST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2019, về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Duy H.

Địa chỉ: Số N, đường Â, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Đinh Duy S.

Địa chỉ: Thôn L, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Y.

Địa chỉ: Thôn L, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì nguyên đơn ông Đinh Duy H trình bày:

Ngày 30/5/2015 ông có cho ông Đinh Duy S vay số tiền 190.000.000 đồng nhưng trên giấy tờ lại ghi 200.000.000đ với mức lãi xuất là 1.2%/tháng. Khi vay ông S có thế chấp cho ông 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Bìa đỏ) số BĐ 914473 do UBND thành phố K cấp ngày 13/4/2011 mang tên ông Đinh Duy S và bà Nguyễn Thị Y. Tính đến tháng 08/2017 ông S đã trả cho ông được 50.000.000 đồng tiền gốc còn tiền lãi trả đến khoảng tháng 7 năm 2018. Từ đó đến nay ông đòi nhiều lần nhưng ông S đều hẹn mà không trả thêm cho ông được đồng tiền gốc và tiền lãi nào nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S phải trả cho ông số tiền gốc vay còn nợ

lại là 140.000.000 đồng; tiền lãi ông xin thay đổi mức tính lãi từ mức 1,2%/ tháng xuống còn 1%/tháng của số tiền 140.000.000 đồng kể từ ngày 1/8/2017 đến ngày 1/8/2019 là 33.600.000 đồng nhưng ông chỉ yêu cầu ông S trả 17.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi ông yêu cầu Tòa án buộc ông S phải trả ngay cho ông số tiền là 157.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu*). Việc vay tiền và thế chấp Bìa đỏ bà Nguyễn Thị Y vợ ông S không trực tiếp vay nên ông không khởi kiện bà Y và yêu cầu Tòa án giải quyết Bìa đỏ mà ông S đã thế chấp cho ông khi vay tiền theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm ông yêu cầu buộc ông S phải chịu.

Theo hồ sơ vụ án và lời khi tại phiên tòa thì bị đơn ông Đinh Duy S trình bày:

Ông thừa nhận lời khai của ông H về ngày vay tiền, số tiền gốc vay, số tiền gốc đã trả, mức lãi suất thỏa thuận khi vay và việc ông vay tiền, thế chấp bìa đỏ khi vay tiền bà Y vợ ông không biết là đúng, bà Y không sử dụng tiền ông vay của ông H. Ông công nhận số tiền gốc hiện tại ông còn nợ ông H là 140.000.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên ông H đòi tiền ông nhiều lần ông không có tiền trả cho ông H tiền gốc và lãi từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông H nhưng hiện tại ông không có tiền trả ngay đề nghị Tòa án giải quyết về số tiền nợ và Bìa đỏ ông đã thế chấp, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông S không có yêu cầu phản tố.

Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Giấy triệu tập và các Thông báo của tòa án cho bà Y nhưng bà Y không tham gia tố tụng vì bà cho rằng bà không liên quan đến việc vay tiền và thế chấp Bìa đỏ giữa ông S và ông H, bà Y không có ý kiến gì về việc khởi kiện của ông H, không có ý kiến phản tố vấn đề gì. Đồng thời Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Y cũng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Y không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Y.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc ông S phải trả ông H số tiền gốc vay 140.000.000đ vay ngày 30/5/2015 là có căn cứ và chấp nhận ông S phải trả ông H 17.000.000đ tiền lãi chậm trả mà hai bên cùng thống nhất là tự nguyện không trái pháp luật; Tuyên trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S và bà Y mà ông S đã thế chấp cho ông H khi vay tiền vì thế chấp không hợp pháp; về án phí DSST bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Y đã được tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Y.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Việc ông Đinh Duy H khởi kiện ông Đinh Duy S đòi số tiền gốc còn nợ là 140.000.000đ là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận. Vì: cả hai bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 30/5/2015 hai bên có lập hợp đồng bằng văn bản với nội dung ông S vay của ông H số tiền là 200.000.000đ, với mức lãi xuất là 1.2%/tháng nhưng thực tế chỉ vay số tiền 190.000.000đ, vay không có thời hạn. Sau khi vay ông S đã trả cho ông H được 50.000.000 đồng tiền gốc vay còn nợ 140.000.000đ; Còn về khoản tiền lãi các đương sự cũng đều thừa nhận đã trả lãi đến khoảng tháng 7 năm 2018. Từ đó đến nay ông H đòi nhiều lần nhưng ông S đều hẹn mà không trả thêm cho ông H được đồng tiền gốc và lãi nào nay ông H chỉ yêu cầu ông S trả số tiền lãi là 17.000.000đ, việc ông H xin thay đổi mức tính lãi suất từ 1,2% tháng xuống còn 1%/ tháng là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 463, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 thì việc vay tiền được xác định là hợp đồng vay không thời hạn và có lãi, khi bên cho vay thông báo việc trả nợ thì bên vay phải có nghĩa vụ trả đủ tiền và trả lãi cho đến thời điểm trả nợ; Khi vay ông S đã thế chấp cho ông H 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 914473 do UBND thành phố K cấp ngày 13/4/2011 mang tên ông Đinh Duy S và bà Nguyễn Thị Y và việc vay tiền, thế chấp Bìa đỏ bà Y vợ ông S không biết là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 130 Bộ luật dân sự thì đối với giao dịch về hợp đồng vay tiền vẫn có hiệu lực còn giao dịch thế chấp Bìa đỏ vô hiệu vì khi thế chấp các bên đã không thực hiện đúng các quy định về thế chấp theo quy định tại các Điều 117, 129, 317, 502 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể là không lập thành văn bản, không có sự tự nguyện của chủ thể tham gia giao dịch là bà Y. Từ phân tích trên căn cứ vào Điều 5, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc vay tiền của hai bên là sự thật cần được chấp nhận, buộc ông Sơn phải trả cho ông H số tiền gốc vay còn nợ là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 17.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi ông S phải trả ông H là 157.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu đồng*; Buộc ông H phải trả lại cho ông S và bà Y giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông S đã thế chấp khi vay tiền ông H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên buộc ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Toà án là đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 130, 131, 463, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Duy H.

1. Buộc ông Đinh Duy S phải trả cho ông Đinh Duy H số tiền 157.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu đồng*). Trong đó, tiền gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi là 17.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Đinh Duy H phải trả lại cho ông Đinh Duy S và bà Nguyễn Thị Y 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 914473 do UBND thành phố K cấp ngày 13/4/2011 mang tên ông Đinh Duy S và bà Nguyễn Thị Y.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Duy S phải chịu 7.850.000đ (*Bảy triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ông Đinh Duy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông H được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông H đã nộp tạm ứng là 3.500.000đ (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0001780 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 10 năm 2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND thành phố K;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung